

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 9 - 2021

*V/v xin ly hôn và nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Ngọc và ông Nguyễn Xuân Thí

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2020/TLST –HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 473/2021/QĐ-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 495/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 590/2021/QĐ-ST, ngày 26/8/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố B, phường Q1, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Hiện nay đang ở tại: 172-2 Nae-ri, Naechon- nyeon, pocheon, gyeonggi- do, Hàn Quốc. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* chị H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/4/2016. Sau khi kết hôn, 02 vợ chồng chung sống với nhau một thời gian đến tháng 9/2018 chị H đi Hàn Quốc và đến ngày 15/10/2018 anh Q cũng đi làm ăn tại Hàn

Quốc. Ngày 23/7/2019 chị H về nước. Vì một số lý do cuộc sống bên gia đình chồng nên bố mẹ chồng bảo chị ở tại nhà mẹ đẻ. Đầu tháng 12/2019 cuộc sống vợ chồng và gia đình bên chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn được và anh Q bảo ly hôn. Chị H có đến trình bày với bố mẹ chồng và đã nhận được sự đồng thuận cho vợ chồng chị ly hôn. Vì vậy chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

*Về con chung:* Chị H trình bày chị và anh Quý có 01 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 07/5/2016, ly hôn chị H xin được nuôi con và lúc đầu chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, nay chị không yêu cầu nữa, chị tự đảm bảo được việc nuôi con.

*Về tài sản chung:* Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có ai nợ vợ chồng và vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn Q:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Q theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Công điện của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc về việc đã thông báo kết quả tổng đạt và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán một số văn bản gửi đương sự Nguyễn Văn Q, địa chỉ: 172-2 Nae-ri, Neachon-Myeon, Pochen-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc nhưng không nhận được phản hồi từ đương sự Nguyễn Văn Q (có biên bản xác nhận kèm theo). Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Q vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị H được ly hôn anh Q; Về con chung: chấp nhận theo nguyện vọng của chị H; Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét; về án phí đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi xem xét các lời khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án; Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì bị đơn anh Nguyễn Văn Q hiện nay đang ở nước ngoài, vì vậy xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phương thức tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là người nước ngoài: Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự quy định phương thức tổng đạt: “...*Theo đường dịch vụ bưu chính đến cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt cho đương sự là công dân Việt Nam ở nước ngoài*”, Tòa án tỉnh Quảng Bình đã có văn bản đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Q theo đường bưu điện là đúng quy định pháp luật, phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số: 33/TANDTC-HTQT ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tối cao (tại mục 2 phần I) về việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

[1.3] Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Văn Q:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong đó có ấn định rõ giờ, ngày tháng năm mở phiên họp hoà giải và phiên toà. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn Q vắng mặt, vì vậy Tòa án lập biên bản không hoà giải được; chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 228; điểm b khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy mục đích hôn nhân của chị H và anh Q không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: chị H và anh Q có 01 đứa con chung, Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 07/5/2016, xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị H là chính đáng nên cần giao con cho chị H nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng, đăng thông tin trên VOV5;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, 147, 153, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1996) được ly hôn anh Nguyễn Văn Q (sinh năm 1994).

2. Về quan hệ con chung: giao con chung Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 07/5/2016 cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp:

Chị H phải chịu nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2020/0001700 ngày 30/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Chị H phải chịu 2.171.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng và đăng thông tin trên VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

5. Án xử công khai, chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng

kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND P. Q, TX B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thái Sơn**